xián chě

闲扯

verb · chat idly, shoot the breeze

Example Sentences

Bié xián chě le kuài gōng zuò
别 闲 扯 了， 快 工 作。

Stop chatting idly; get to work quickly.

Tā men xǐ huān zài wǔ xiū shí xián chě
他 们 喜 欢 在 午 休 时 闲 扯。

They like to chat idly during lunch break.

Liǎng gè rén xián chě le bàn tiān yě méi tán zhèng shì
两 个 人 闲 扯 了 半 天， 也 没 谈 正 事。

The two chatted idly for a long time without discussing business.

Trace each character, then write the word on your own.